

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Nhóm	S2	S4	S5	S6-S7	ĐQT	REPORT	ĐHP
23D1MAR50301708				a	ONLINE	10-Feb	17-Feb	03-Mar			
				b	20%	25%	30%	25%	50%	50%	
1	3121102072	Nguyễn Phạm Thuý	An	12	5,0	8,5	8,0	7,5	7,5	8,5	8,0
2	3121102632	Lê Thị Vân	Anh	6	5,0	6,0	6,0	7,0	6,0	8,0	7,0
3	3121102701	Nguyễn Hoàng Lan	Anh	3	7,0	7,0	0,0	7,0	5,0	9,0	7,0
4	3121102725	Nguyễn Đào Như	Ánh	3	5,6	5,6	0,0	5,6	4,0	7,0	5,5
5	3121102258	Nguyễn Thái Thảo	Bích	8	8,5	8,5	8,0	7,5	8,0	9,0	8,5
6	3121102386	Cao Minh	Đạt	6	8,0	6,0	6,0	7,0	6,5	8,0	7,3
7	3121102771	Phan Nguyễn Ngọc	Điệp	11	5,5	8,1	9,0	7,5	7,5	9,0	8,3
8	3121102770	Nguyễn Quang	Dương	1	8,0	8,0	8,5	3,5	7,0	9,0	8,0
9	3121102710	Trần Ánh Quí	Dương	4	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0
10	3121102632	Trần Kỳ	Duyên	9	8,5	7,0	7,0	8,0	7,5	9,0	8,3
11	3121102073	Phạm Ngân	Hà	12	5,0	8,5	8,0	7,5	7,5	8,5	8,0
12	3121102436	Tô Mỹ	Hà	5	7,5	7,5	8,5	7,0	7,5	9,0	8,3
13	3121102446	Phạm Ngọc Như	Hân	12	5,0	8,5	8,0	7,5	7,5	8,5	8,0
14	3121102652	Nguyễn Tô Thúy	Hằng	8	8,5	8,5	8,0	7,5	8,0	9,0	8,5
15	3121102417	Quách Phú	Hào	8	5,5	8,5	8,0	7,5	7,5	9,0	8,3
16	3121102772	Nguyễn Văn Thanh	Hiền	1	8,0	8,0	8,5	3,5	7,0	9,0	8,0
17	3121102772	Đặng Ngọc Minh	Hiếu	1	8,0	8,0	8,5	3,5	7,0	9,0	8,0
18	3121102244	Trần Thanh	Hoa	11	5,5	9,0	9,0	7,5	8,0	9,0	8,5
19	3121102073	Tài Sĩ	Học	8	8,5	8,5	8,0	7,5	8,0	9,0	8,5
20	3121102073	Trương Khả	Hồng	2	8,0	9,0	8,5	8,0	8,5	9,0	8,8
21	3121102544	Nguyễn Tuấn	Hưng	12	5,0	5,5	6,4	6,0	6,0	8,5	7,3
22	3121102348	Danh Trần Thanh	Hương	4	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0
23	3121102728	Nguyễn Thị	Hường	2	8,0	9,0	8,5	8,0	8,5	9,0	8,8
24	3121102328	Bùi Lê Khánh	Huyền	9	8,5	7,0	7,0	8,0	7,5	9,0	8,3
25	3121102519	Nguyễn Kim	Khánh	11	5,5	8,1	8,1	7,5	7,5	9,0	8,3
26	3121102774	Lê Tuấn	Kiệt	1	8,0	8,0	8,5	3,5	7,0	9,0	8,0
27	3121102403	Nguyễn Võ Phi	Lam	9	8,5	7,0	7,0	8,0	7,5	9,0	8,3
28	3121102774	Đỗ Thị Phương	Liên	10	8,0	8,5	8,5	8,0	8,5	8,5	8,5
29	3121102774	Huỳnh Thị Mỹ	Linh	10	8,0	8,5	8,5	8,0	8,5	8,5	8,5
30	3121102361	Nguyễn Thị Thùy	Linh	2	8,0	9,0	8,5	8,0	8,5	9,0	8,8
31	3121102075	Vòng Khánh	Linh	7	8,5	8,5	8,0	7,0	8,0	9,0	8,5
32	3121102523	Trần Thị	Loan	3	5,6	5,6	0,0	5,6	4,0	9,0	6,5
33	3121102446	Trần Phi	Long	6	8,0	6,0	6,0	7,0	6,5	8,0	7,3
34	3120102420	Nguyễn Hồng	Ngân	7	4,7	6,0	8,0	6,3	6,5	9,0	7,8
35	3121102465	Bùi Nhâm	Ngọ	4	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0
36	3121102075	Tiền Minh	Ngọc	2	8,0	9,0	8,5	8,0	8,5	9,0	8,8
37	3121102715	Trương Ngọc	Ngọc	5	7,5	7,5	8,5	7,0	7,5	9,0	8,3
38	3121102776	Nguyễn Thảo	Nguyễn	10	8,0	8,5	8,5	8,0	8,5	8,5	8,5
39	3121102503	Thạch Thái	Nguyễn	6	8,0	6,0	6,0	7,0	6,5	8,0	7,3
40	3121102776	Trương Ngọc Tú	Nguyễn	1	8,0	8,0	8,5	3,5	7,0	9,0	8,0
41	3121102075	Lư Xuân	Nhi	12	5,0	8,5	8,0	7,5	7,5	8,5	8,0
42	3121102075	Trần Bảo	Nhi	9	8,5	4,0	7,0	8,0	7,0	9,0	8,0
43	3121102673	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	5	7,5	7,5	8,5	7,0	7,5	9,0	8,3
44	3121102447	Nông Thị	Nhung	7	8,5	8,5	8,0	7,0	8,0	9,0	8,5
45	3121102447	Nguyễn Huy	Phúc	9	8,5	7,0	7,0	8,0	7,5	9,0	8,3
46	3121102051	Trần Lê Thúy	Quỳnh	6	8,0	6,0	6,0	7,0	6,5	8,0	7,3
47	3121102076	Trần Thị Như	Quỳnh	5	7,5	7,5	8,5	7,0	7,5	9,0	8,3
48	3121102777	Đỗ Thị Thanh	Tâm	10	8,0	8,5	8,5	8,0	8,5	8,5	8,5
49	3121102777	Hoàng Minh	Tâm	10	8,0	8,5	8,5	8,0	8,5	8,5	8,5
50	3121102117	Trần Thị Anh	Thư	3	6,3	6,3	0,0	7,0	4,5	8,0	6,3
51	3121102557	Diệp Phương	Thùy	3	7,0	7,0	0,0	7,0	5,0	9,0	7,0
52	3121102519	Bùi Võ Thủy	Tiên	11	5,5	7,2	9,0	6,8	7,5	9,0	8,3
53	3121102717	Lê Thị Mỹ	Tiên	7	8,5	8,5	8,0	7,0	8,0	9,0	8,5
54	3121102245	Hồ Nguyễn Quỳnh	Trang	5	7,5	7,5	8,5	7,0	7,5	9,0	8,3
55	3121102663	Trần Võ Thanh	Trúc	4	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0
56	3121102610	Châu Thị Khả	Tú	7	8,5	8,5	8,0	7,0	8,0	9,0	8,5
57	3121102078	Văn Phạm Cẩm	Tú	2	8,0	9,0	8,5	8,0	8,5	9,0	8,8
58	3121102595	Đào Thị Ngọc	Tuyền	4	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0
59	3121102078	Ngô Lê Hoàng	Vũ	11	5,5	9,0	8,1	7,5	7,5	9,0	8,3
60	3121102691	Hong Ngọc	Yến	8	8,5	8,5	8,0	7,5	8,0	9,0	8,5